

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89B/2023/HNGĐ - ST

Ngày 27/7/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH TH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Doãn.

2. Ông Mai Đình Q.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Q, sinh năm 1984.

Quê quán: xã V, huyện L, tỉnh Y.

HKTT: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Th.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã T, huyện H, tỉnh Th.

Tại phiên tòa có anh B, vắng mặt chị Q (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh TH ngày 08/6/2007. Sau khi kết hôn về CH sống được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói CH trong hôn nhân, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Anh B ham chơi, không chăm lo làm ăn và quan tâm gia đình. Tình trạng mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 12/2022 đến nay vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về con CH: Vợ chồng chị có 02 con CH là Lê Uyên N, sinh ngày 05/02/2007 và Lê Bảo CH, sinh ngày 22/3/2010. Ly hôn chị đề nghị được nuôi

hai con, yêu cầu anh B có trách Nhiệm cấp dưỡng nuôi con Chung cùng chị cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ CH: Vợ chồng có một số tài sản và công nợ Chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Lê Văn B trình bày:

Về nguyên nhân điều kiện kết hôn đúng như chị Q trình bày. Vợ chồng kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh TH năm 2007. Quá trình CH sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ nhặt đời thường. Đến cuối năm 2022 do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh phải đi làm ăn xa. Chị Q ở nhà không hiểu nguyên nhân đã tự bỏ nhà đi sau đó trở về làm đơn ly hôn. Anh xét thấy tình trạng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn.

Về con CH: Vợ chồng có 02 con Chung là Lê Uyên N, sinh ngày 05/02/2007 và Lê Bảo CH, sinh ngày 22/3/2010. Trường hợp giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ CH: Vợ chồng có một số tài sản, công nợ CH nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp được biết chị Q và anh B CH sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xung đột. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn. Từ cuối năm 2022 chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên đã ly thân từ đó.

Chị Q và anh B có hai con CH. Từ khi chị Q về bên ngoại sinh sống các cháu theo mẹ, anh B thì đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về.

Hai con CH của chị Q và anh B là Lê Uyên N và Lê Bảo CH có nguyện vọng tha thiết muốn ở với mẹ vì tình cảm và sự chăm sóc hai cháu từ nhỏ.

Tại phiên tòa: Chị Q do điều kiện ở xa có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Anh B xét thấy quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng mong muốn chị Q trở về để tiếp tục CH sống nuôi dạy con cái. Trường hợp giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu về cấp dưỡng. Về tài sản, công nợ CH không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại các Điều 28, 35 BLTTDS: Thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS nhân dân và các đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Triệu Thị Q thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71

BLTTDS. Bị đơn anh Lê Văn B thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Q được ly hôn anh Lê Văn B; Về con CH: giao hai con cho chị Triệu Thị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản CH, nợ CH: không xem xét. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn, anh B phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn B đăng ký hộ khẩu và thường trú tại thôn Phú, xã T, huyện H, tỉnh Th. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Q và anh Lê Văn B đăng ký kết hôn ngày 08/6/2007 tại UBND xã T, huyện H nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại Tòa án, xác minh tình trạng hôn nhân nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng CH sống với được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nều lần xảy ra mâu thuẫn, chửi bới xung đột. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, anh B chơi bời không chăm lo gia đình nên xảy ra bất đồng, cãi vã. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn tình trạng trầm trọng nên từ cuối năm 2022 chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không còn quan tâm gì cho nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Cho chị Q được ly hôn anh B là phù hợp.

[3] Về con CH: Chị Triệu Thị Q và anh Lê Văn B có hai con CH là Lê Uyên N, sinh ngày 05/02/2007 và Lê Bảo CH, sinh ngày 22/3/2010. Hai con tha thiết muốn CH sống cùng chị Q nên giao hai con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản, công nợ CH: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn, anh B phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, **khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Q được ly hôn anh Lê Văn B

Về con CH: Giao hai con CH là Lê Uyên N, sinh ngày 05/02/2007 và Lê Bảo CH, sinh ngày 22/3/2010 cho chị Triệu Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con CH cùng chị Q cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh B được quyền thăm nom chăm sóc con CH không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con CH, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ CH: Không yêu cầu miễn xét.

Về án phí: Chị Triệu Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005238 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh B phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung ngân sách nhà nước.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Tuy Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Sang

HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Sang

